

Bản án số: 70/2024/DS-PT.

Ngày 15 - 4 - 2024.

V/v “tranh chấp chia tài sản chung
và thừa kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình.

Bà Nguyễn Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLPT - DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc: “tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2024/QĐ - PT ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1986 (có mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Chị Nguyễn Thúy K, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:*

Bà D và ông M là vợ chồng cưới nhau vào năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà D và ông M có 06 con chung gồm: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu C. Đến ngày 08/6/2022 ông M chết. Tài sản của bà D và ông M có 02 thửa đất gồm: Thửa 521 (thửa mới 35), tờ bản đồ số 2, diện tích 3.491,3m² loại đất trồng lúa, trên đất có một căn nhà cấp 4 của anh T và thửa 340 (thửa mới 196), tờ bản đồ số 4, diện tích 1.400m² loại đất thổ quả, trên đất có một căn nhà cấp 4 của bà D và ông M, hai thửa đất cùng tọa lạc ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông M đứng tên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Ông M chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm có bà D, chị H, chị S, anh T, chị T1, chị H1 và chị C. Ngoài ra không có ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M.

Đến đầu năm 2023 bà D yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đến đo đạc để làm thủ tục thừa kế theo quy định của pháp luật đối với 02 thửa đất trên thì các con của bà D đều đồng ý chỉ riêng anh T không đồng ý nên bà D không làm thủ tục thừa kế được.

Bà D khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông M chết để lại theo pháp luật đối với thửa 521 (thửa mới 35), diện tích 1.028,8m² loại đất trồng lúa. Phần diện tích còn lại của thửa 521 (thửa mới 35) bà D yêu cầu chia thành 07 kỷ phần, trong đó bà D và các con bà D là chị H, S, T1, H1, C yêu cầu được hưởng diện tích 1.961m² thửa 521 (thửa mới 35), loại đất trồng lúa. Bà D đồng ý chia cho anh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 511,3m² thửa đất 521 (thửa mới 35), loại đất trồng lúa. Thửa 340 (thửa mới 196), diện tích theo đo đạc là 1.562,6m² loại đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm thì bà D yêu cầu được hưởng toàn bộ. Cây trồng tại vị trí đất của ai được chia thuộc quyền sở hữu của người đó không yêu cầu Tòa án chia cây trồng.

- *Tại bảng khai ý kiến ngày 05/5/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh là con thứ 4 của ông M và bà D. Sau khi cha anh chết có để lại tài sản là thửa 521 (thửa mới 35), diện tích 3.491,3m² loại đất trồng lúa và thửa 340 (thửa mới 196), diện tích 1.400m² loại đất thổ quả, cùng tọa lạc ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2010 cha anh là ông M nói tặng cho anh phần đất trồng lúa, diện tích khoảng 1.000m² tại thửa 521 (thửa mới 35) nhưng chỉ nói miệng, ông M chưa làm thủ tục tách thửa sang tên cho anh, khi cha cho đất anh, mẹ anh là bà D cũng đồng ý và có cùng anh cắm ranh theo hiện trạng anh đang sử dụng thửa 35-2 và 35-3. Thửa 521 (thửa mới 35) theo giấy tờ ghi là đất lúa nhưng đã được lên liếp làm vườn. Năm 2014, anh xây dựng một căn nhà cấp 4 và xây dựng chuồng trại để chăn nuôi, khi anh xây dựng nhà và chuồng trại trên thửa 521 (thửa mới 35) mẹ anh là bà D cũng đồng ý.

Nay bà D yêu cầu chia di sản của ông M chết để lại theo pháp luật đối với thửa 521 (thửa mới 35), bà D và các chị em của anh là chị H, chị S, chị T1, chị H1 và chị C yêu cầu được hưởng diện tích 2.989,8m², loại đất trồng lúa. Chỉ chia cho anh được quyền quản lý, sử dụng diện tích 511,3m² thửa 521 (thửa mới 35), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long anh không đồng ý. Anh thống nhất với ý kiến của bà D cây trồng tại vị trí đất của ai được chia thuộc quyền sở hữu của người đó không yêu cầu Tòa án chia cây trồng.

Đối mái che, chuồng heo, chuồng gà và hàng rào trụ bê tông cốt thép kéo lưới B40 anh T đồng ý tháo dỡ di dời ra khỏi phần đất bà D được chia.

Thửa 340 (thửa mới 196), diện tích theo đo đạc 1.562,6m² loại đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long bà D yêu cầu được chia và hưởng toàn bộ diện tích thửa 340 anh T đồng ý.

- *Tại bảng khai ý kiến ngày 19 tháng 6 năm 2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu S và chị Nguyễn Thị Thu H1 cùng trình bày:* Các chị là con của bà D và ông M, các chị thống nhất theo yêu cầu của mẹ là bà D trình bày. Nay kỷ phần thừa kế của các chị, các chị đồng ý giao lại cho mẹ là bà D quản lý, sử dụng kê khai đăng ký đứng tên, các chị không có tranh chấp trong vụ án.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Thu C cùng trình bày:* Các chị là con của bà D và ông M. Các chị thống nhất theo lời trình bày của bà D. Nay kỷ phần thừa kế của các chị, các chị đồng ý giao lại cho mẹ là bà D quản lý, sử dụng kê khai đăng ký đứng tên, các chị không có tranh chấp trong vụ án.

- *Tại bảng khai ý kiến ngày 20 tháng 7 năm 2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thúy K trình bày:* Chị là vợ của anh T và là dâu của bà D và ông M. Chị thống nhất theo lời trình bày của anh T, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D do ông Trần Văn A đại diện theo ủy quyền.

Chia cho bà Phạm Thị D được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa 35-1 (521-1) diện tích 1.961m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 13 (2) và thửa 196, diện tích 1.562,6m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà ở cây trồng và vật kiến trúc trên đất (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/10/2023 và ngày 18/10/2023).

Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao cho bà Phạm Thị D phần đất tại thửa 35-1 (521-1) diện tích 1.961m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 13 (2) và thửa 196, diện tích 1.562,6m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên đất.

Chia cho anh Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa 35-3 (521-3) diện tích 511,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa 35-2 (521 -2) diện tích 1.028,8m² loại đất chuyên trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 13 (2), cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên đất (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/10/2023 và ngày 18/10/2023).

Buộc bà Phạm Thị D có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa 35-3 (521-3) diện tích 511,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa 35-2 (521 -2) diện tích 1.028,8m² loại đất

chuyên trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 13 (2), cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên đất.

Về vật kiến trúc (chuồng heo) của anh Nguyễn Văn T xây dựng trên phần đất có diện tích 1.961m² loại đất chuyên trồng lúa nước, tại tách thửa 35-1 (521-1) anh Nguyễn Văn T tự nguyện di dời nên buộc anh Nguyễn Văn T di dời vật kiến trúc (chuồng heo) trên phần có diện tích 1.961m² tại tách thửa 35-1 (521-1), loại đất chuyên trồng lúa nước, để trả lại đất cho bà Phạm Thị D.

Bà Phạm Thị D, anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu C đồng ý giao lại kỹ phần của các chị cho mẹ là bà D quản lý sử dụng bà D đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/01/2024 nguyên đơn bà Phạm Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 19/01/2024. Bà D đồng ý chia cho anh Nguyễn Văn T phần đất thửa 35-3 (521-3) diện tích 511,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bà D không đồng ý chia cho anh T thửa 35-2 (521-2) diện tích 1.028,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các đương sự có mặt không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Giữa nguyên đơn bà Phạm Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn

Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Thu C có mặt thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

1. Chia thừa kế và công nhận cho bà Phạm Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 35-1 (521-1), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 1.961m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm); thửa 35-2 (521-2), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 650m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm) và thửa 196, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.562,6m², mục đích sử dụng ONT-CLN (trong đó có 300m² đất ONT và 1.262,6m² đất CLN). Tất cả cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà phụ, mái che, chuồng heo, chuồng gà, hàng rào trụ bê tông cốt thép kéo lưới B40 và các vật kiến trúc ra khỏi thửa đất số 35-1 (521-1) và 35-2 (521-2) để giao cho bà Phạm Thị D thừa đất số 35-1 (521-1), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 1.961m², mục đích sử dụng LUC; thửa 35-2 (521-2), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 650m², mục đích sử dụng LUC. Bà D được quyền sở hữu cây trồng trên thửa 35-1 (521-1), 35-2 (521-2) và được quyền sở hữu nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên thửa 196.

2. Chia thừa kế và công nhận cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất 35-3 (521-3), diện tích 511,3m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm) và thửa 35-4 (521-4), diện tích 378,8m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm). Tất cả đều thuộc tờ bản đồ 13 (2), cùng tọa lạc ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh T được quyền sở hữu nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên thửa đất số 35-3 (521-3) và 35-4 (521-4).

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đồng ý chịu nộp toàn bộ là 7.687.000đ. Bà Phạm Thị D đã nộp tạm ứng đủ, nên anh T đồng ý chịu nộp 7.687.000đ (bảy triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà D.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí.

Anh T đồng ý chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm là $[(891,1\text{m}^2 \times 250.000\text{đ}/\text{m}^2)] \times 5\% = 11.126.250\text{đ}$.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà D với bị đơn anh T.

Chia cho anh T nhận phần đất tách thửa 35-3 (521-3) diện tích 511,3m² và phần đất tách thửa 35-4 (521-4) diện tích 378,8m² loại đất lúa hiện trạng đã lên liếp trồng cây lâu năm trên đất có cây trồng, vật kiến trúc và nhà của anh T.

Chia cho bà D nhận phần đất tách thửa 35-1 (521-1) diện tích 1.961m², tách thửa 35-2 (521-2) diện tích 650m² loại đất lúa hiện trạng đã lên liếp trồng cây lâu năm và thửa 196 diện tích 1.562,6m². Anh T có nghĩa vụ di dời chuồng heo, chuồng gà vật kiến trúc ra khỏi thửa 35-1 và thửa 35-2 để trả lại phần đất trên cho bà D.

Cây trồng trên đất ai được chia thì người đó được quản lý, sử dụng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị D đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm: Giữa nguyên đơn bà Phạm Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Thu C có mặt thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

- Chia thừa kế và công nhận cho bà Phạm Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 35-1 (521-1), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 1.961m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm); thửa 35-2 (521-2), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 650m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm) và thửa 196, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.562,6m², mục đích sử dụng ONT-CLN (trong đó có 300m² đất ONT và 1.262,6m² đất CLN). Tất cả cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà phụ, mái che, chuồng heo, chuồng gà, hàng rào trụ bê tông cốt thép kéo lưới B40 và các vật kiến trúc ra khỏi thửa đất số 35-1 (521-1) và 35-2 (521-2) để giao cho bà Phạm Thị D thửa đất số 35-1 (521-1), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 1.961m², mục đích sử dụng LUC; thửa 35-2 (521-2), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 650m², mục đích sử dụng LUC. Bà D được quyền sở hữu cây trồng trên thửa 35-1 (521-1), 35-2 (521-2) và được quyền sở hữu nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên thửa 196.

- Chia thừa kế và công nhận cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất 35-3 (521-3), diện tích 511,3m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm) và thửa 35-4 (521-4), diện tích 378,8m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm). Tất cả đều thuộc tờ bản đồ 13 (2), cùng tọa lạc ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh T được quyền sở hữu nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên thửa đất số 35-3 (521-3) và 35-4 (521-4).

- Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đồng ý chịu nộp toàn bộ là 7.687.000đ. Bà Phạm Thị D đã nộp tạm ứng đủ, nên anh T đồng ý chịu nộp 7.687.000đ (bảy triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà D.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Giá trị tài sản bà D được hưởng $[(300\text{m}^2 \text{ đất ONT} \times 350.000\text{đ}/\text{m}^2) + (1.262,6\text{m}^2 \text{ đất CLN} \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2) + (2.611\text{m}^2 \text{ đất LUC} \times 250.000\text{đ}/\text{m}^2)] = 1.136.530.000\text{đ}$, án phí là $[36.000.000\text{đ} + (336.530.000\text{đ} \times 3\%)] = 46.095.000\text{đ}$. Nhưng bà D là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Nên xét miễn toàn bộ tiền án phí cho bà D.

Anh T đồng ý chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm là $[(891,1\text{m}^2 \times 250.000\text{đ}/\text{m}^2)] \times 5\% = 11.126.250\text{đ}$.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST, ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Phạm Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Thu C; Sửa bản án

dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST, ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi, Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Chia thừa kế và công nhận cho bà Phạm Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 35-1 (521-1), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 1.961m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm); thửa 35-2 (521-2), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 650m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm) và thửa 196, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.562,6m², mục đích sử dụng ONT-CLN (trong đó có 300m² đất ONT và 1.262,6m² đất CLN). Tất cả cùng tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà phụ, mái che, chuồng heo, chuồng gà, hàng rào trụ bê tông cốt thép kéo lưới B40 và các vật kiến trúc ra khỏi thửa đất số 35-1 (521-1) và 35-2 (521-2) để giao cho bà Phạm Thị D thửa đất số 35-1 (521-1), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 1.961m², mục đích sử dụng LUC và thửa 35-2 (521-2), tờ bản đồ 13 (2), diện tích 650m², mục đích sử dụng LUC. Bà D được quyền sở hữu cây trồng trên thửa 35-1 (521-1), 35-2 (521-2) và được quyền sở hữu nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên thửa 196.

2. Chia thừa kế và công nhận cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất 35-3 (521-3), diện tích 511,3m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm) và thửa 35-4 (521-4), diện tích 378,8m², mục đích sử dụng LUC (hiện trạng lên liếp trồng cây lâu năm). Tất cả đều thuộc tờ bản đồ 13 (2), cùng tọa lạc ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh T được quyền sở hữu nhà ở, cây trồng và vật kiến trúc trên thửa đất số 35-3 (521-3) và 35-4 (521-4).

3. Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/10/2023, ngày 18/10/2023 và ngày 10/4/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V.

4. Các đương sự được chia thừa kế và công nhận quyền sử dụng đất có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đồng ý chịu nộp toàn bộ là 7.687.000đ. Bà Phạm Thị D đã nộp tạm ứng đủ, nên anh T đồng ý chịu nộp 7.687.000đ (bảy triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà D.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà D.

Anh T có nghĩa vụ nộp 11.126.250đ (mười một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là bà D không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường